

Bản án số: **44/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 19-8-2024

“*V/v tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Quang Minh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lâm Mây

2. Bà Trần Xuân Đạm

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh

- **Đại diện viện kiểm nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Như Mai Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 271/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Tạ Kim T**, sinh năm 1976 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 11A, xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

2. **Bị đơn:** Ông **Nguyễn Thanh B**, sinh năm 1977 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 11A, xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/01/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà **Tạ Kim T** trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Thanh B tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1999, nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Trước khi sống chung vợ chồng có tìm hiểu nhau trong thời gian khoảng 06 tháng. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Nay nhận thấy vợ chồng không thể sống chung với nhau được nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thanh B.

- Về con: Bà và Bình có 02 người con chung tên Nguyễn Minh N, sinh ngày

21/3/2000 và Nguyễn Nhật N, sinh ngày 11/01/2009. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con tên Nguyễn Nhật N. Đối với con tên Nguyễn Minh N đã thành niên nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – ông Nguyễn Thanh B trình bày:* Thống nhất với lời trình bày trên của bà Tạ Kim T về quan hệ hôn nhân và về con. Nay bà Tạ Kim T nộp đơn yêu cầu ly hôn thì ông có ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà Tạ Kim T

- Về con: Ông đồng ý để bà Tạ Kim T trực tiếp nuôi dưỡng con tên Nguyễn Nhật N, sinh ngày 11/01/2009.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

\* *Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:*

- Về việc tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục tố tụng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh không có kiến nghị về tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Tạ Kim T, cụ thể:

+ Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Tạ Kim T và ông Nguyễn Thanh B

+ Về con: Bà Tạ Kim T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Nhật N, sinh ngày 11/01/2009

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét do không có yêu cầu

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định

#### **Về tố tụng:**

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn - bà Tạ Kim T nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh B. Ông Nguyễn Thanh B cư trú tại xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

#### **Về nội dung:**

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Tạ Kim T, sinh năm 1976 và ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1977 tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1999, nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung

sống bà Tuyết xác định vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nên nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông Bình.

Xét thấy, quá trình chung sống tuy có đủ điều kiện nhưng bà Tuyết và ông Bình không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn và nhân gia đình thì: “*Nam nữ có điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...*”. Tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...*”. Vì vậy, cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Tạ Kim T và ông Nguyễn Thanh B

[2] Về con: Bà Tuyết và ông Bình có 02 người con chung tên Nguyễn Minh N, sinh ngày 21/3/2000 và Nguyễn Nhật N, sinh ngày 11/01/2009

Bà Tuyết yêu cầu được nuôi con tên Nguyễn Nhật N, đồng thời cháu Nam có nguyện vọng được sống chung với bà Tuyết. Vì vậy cần giao cháu Nam cho bà Tuyết trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với con tên Nguyễn Minh N, sinh ngày 21/3/2000: Do cháu đã thành niên và các bên không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không xem xét

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, bà Tuyết phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

[6] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### ***Áp dụng:***

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 39 Bộ luật dân sự;

- Áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### ***Tuyên xử:***

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

- Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Tạ Kim T và ông Nguyễn Thanh B

- Về con: Bà Tạ Kim T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Nhật N, sinh ngày 11/01/2009

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét

2/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Tạ Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền số 0006456 ngày 16/7/2024.

3/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

*Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKS huyện Lộc Ninh;
- THADS huyện Lộc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Quang Minh**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Đức Thọ**

**Nguyễn Kim Phụng**

**Trần Quang Minh**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKS huyện Lộc Ninh;
- THADS huyện Lộc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Quang Minh**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKS huyện Lộc Ninh;
- THADS huyện Lộc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Quang Minh**





***Nơi nhận :***

-TAND tỉnh Bình Phước

**TÒA**

- VKS huyện Lộc Ninh
- Các đương sự.
- THA DS huyện Lộc Ninh
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN**

**Trần Hoài Nam**